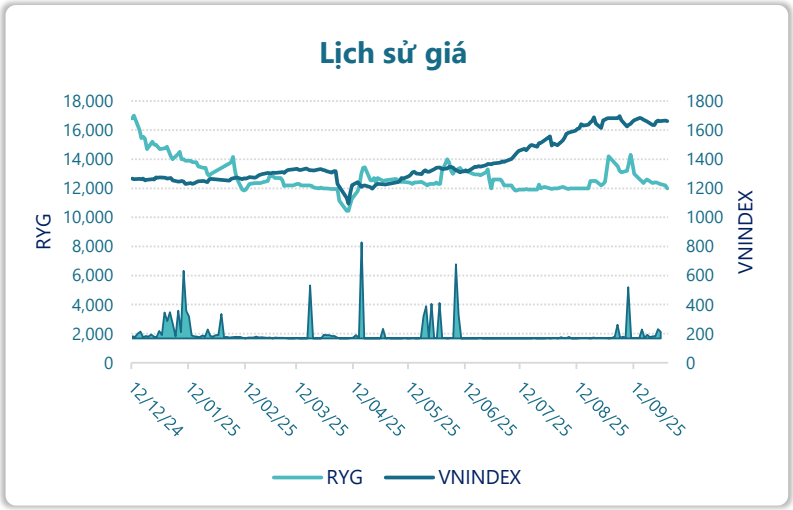
FireAnt

CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (HSX: RYG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,450
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	474,840
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	540
P/E	15.0
EPS	800

DT thuần

Q3/25

538

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00| 1.7%

YoY: ▲ 185| 52.5%

LN sau thuế

Q3/25

12.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.10| 0.6%

YoY: ▼6.30| -34.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.9%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

9T 2025

1,547

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 386| 33.2%

LN sau thuế

9T 2025

27.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼35.7| -56.2%

ROE

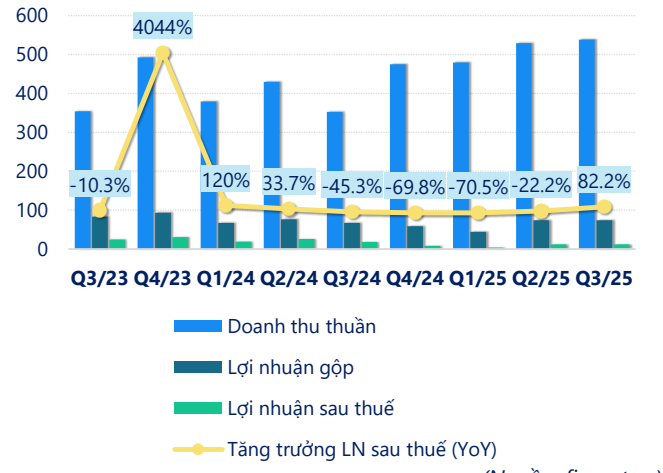
Q3/25

4.6%

+/- YoY: ▼ 9.3%

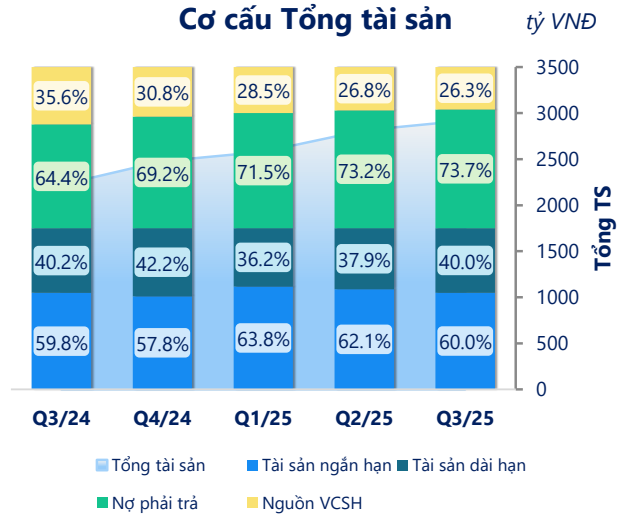
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



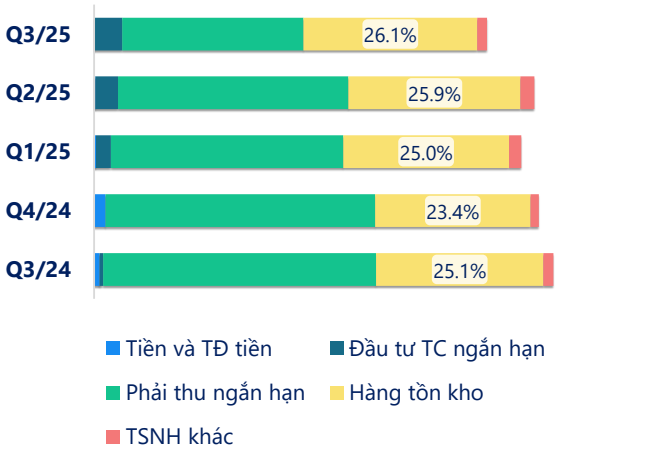
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



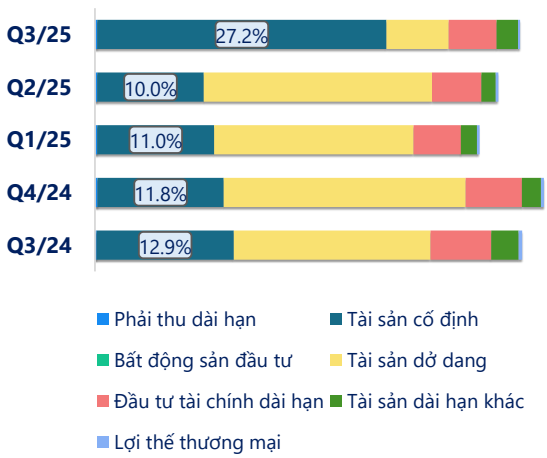
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



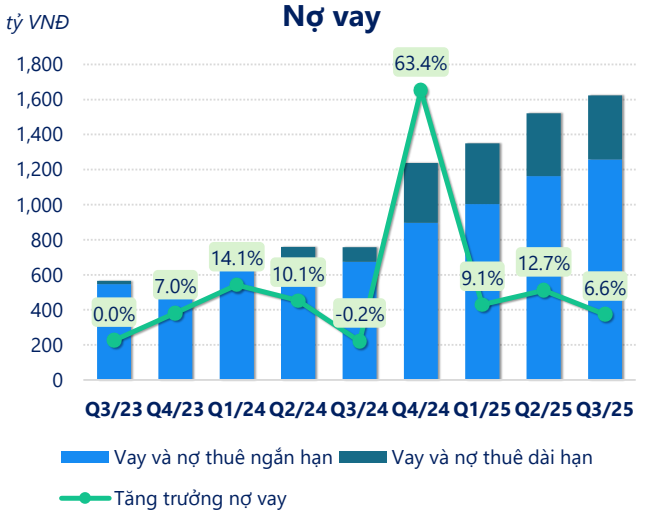
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



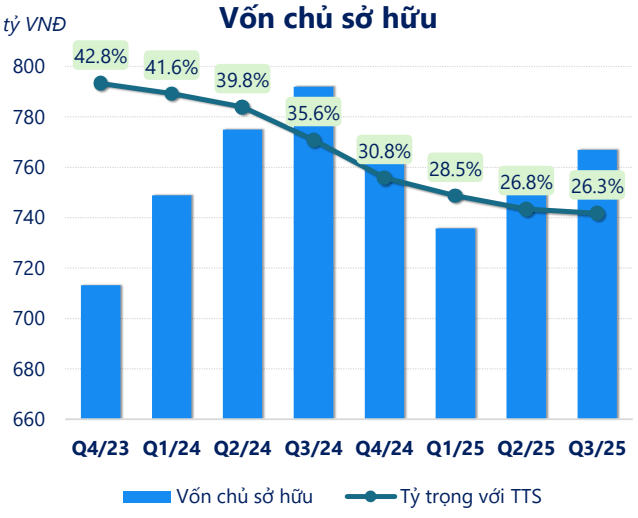
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



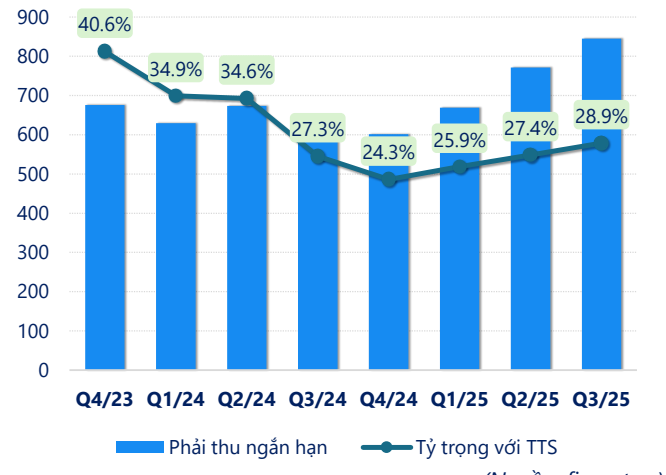
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



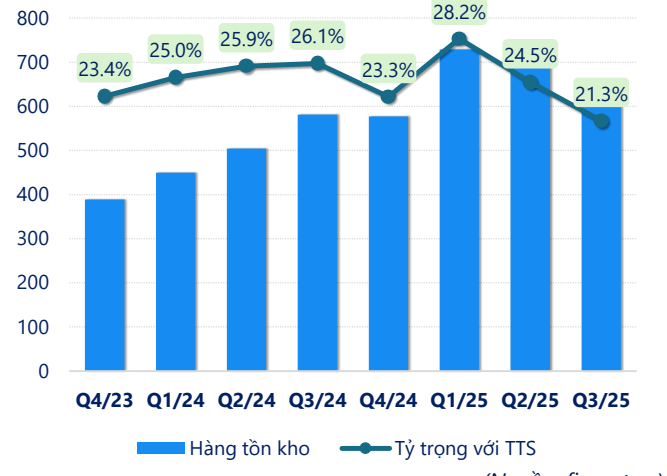
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



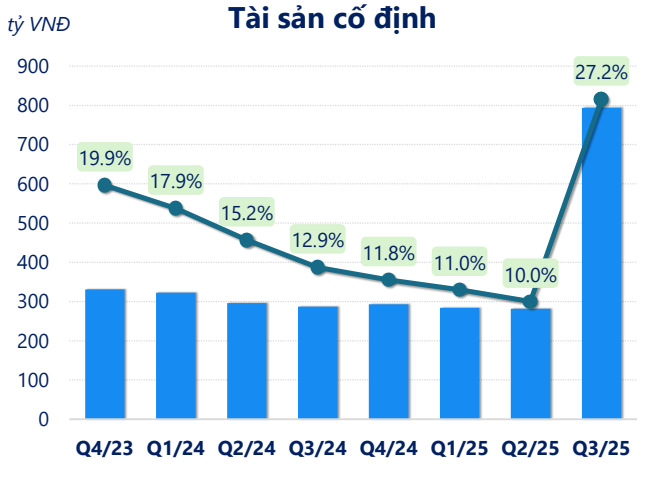
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



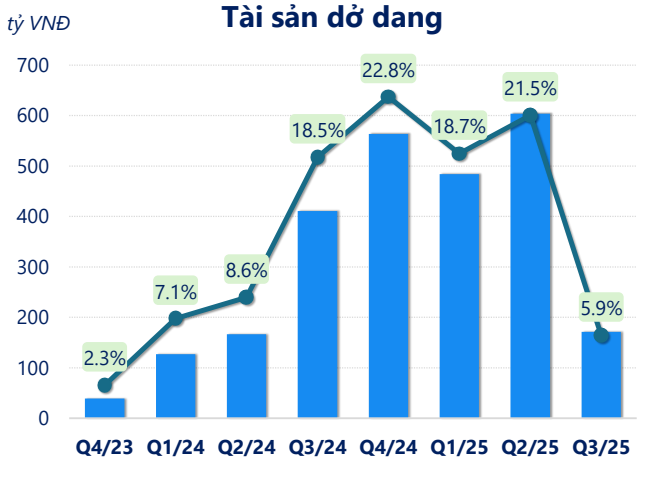
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



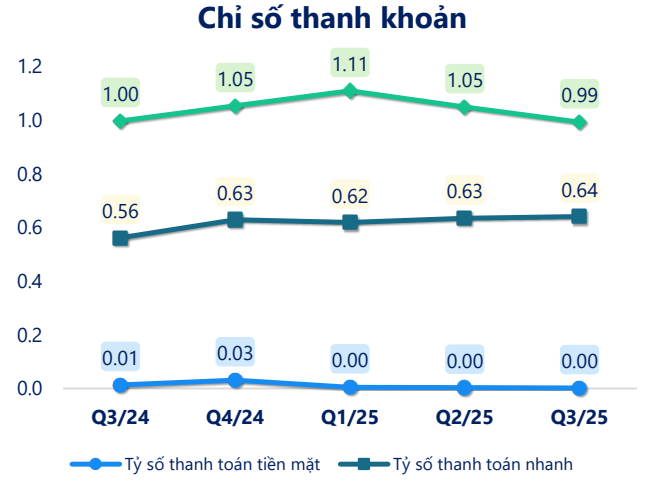
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



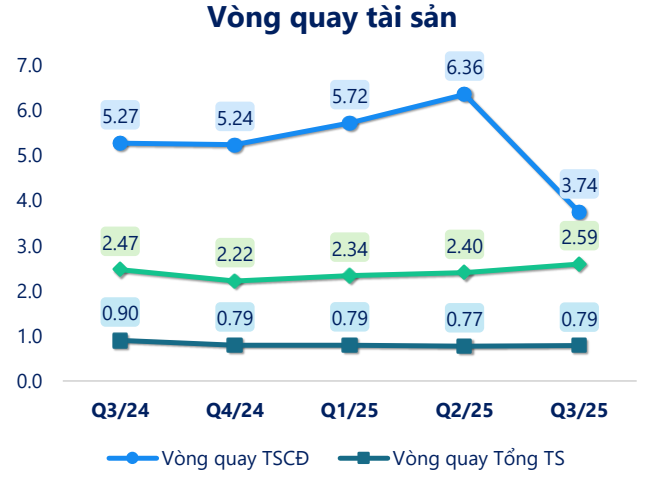
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,223**	**2,476**	**2,580**	**2,814**	**2,919**
Tài sản ngắn hạn	**1,330**	**1,431**	**1,647**	**1,747**	**1,752**
Tiền và tương đương tiền	18.5	42.2	7.21	5.91	3.38
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.3	158	203	243	244
Phải thu ngắn hạn	606	602	669	772	845
Hàng tồn kho	581	577	729	691	621
Tài sản ngắn hạn khác	32.9	51.6	38.6	35.5	38.0
Tài sản dài hạn	**893**	**1,045**	**933**	**1,067**	**1,167**
Phải thu dài hạn	3.27	6.25	5.47	6.27	6.49
Tài sản cố định	287	293	284	281	794
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	411	563	484	604	171
Đầu tư tài chính dài hạn	127	131	115	131	131
Tài sản dài hạn khác	57.7	44.0	38.8	38.4	58.2
Lợi thế thương mại	7.17	6.94	6.70	6.47	6.47
Nợ phải trả	**1,431**	**1,714**	**1,844**	**2,059**	**2,152**
Nợ ngắn hạn	**1,334**	**1,359**	**1,485**	**1,666**	**1,765**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	674	896	1,004	1,163	1,258
Phải trả người bán ngắn hạn	514	329	314	349	318
Nợ dài hạn	97.1	355	360	394	387
Vay và nợ thuê dài hạn	82.7	341	346	359	364
Nguồn vốn chủ sở hữu	**792**	**762**	**736**	**755**	**767**
Vốn chủ sở hữu	**792**	**762**	**736**	**755**	**767**
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)